

CẦN BỊT CÁC “LỖ RÒ” TRONG CÁC TẬP ĐOÀN VÀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

TS. Nguyễn Minh Phong

Viện Nghiên cứu Phát triển KT-XH Hà Nội

1. Thua lỗ và gánh nặng nợ nần do lạm dụng đa dạng hoá đầu tư

Trong nền kinh tế hiện đại, đa dạng hóa đầu tư trở thành yêu cầu và xu hướng phát triển ngày càng đậm nét của các doanh nghiệp và tập đoàn kinh tế trên thế giới. Tuy nhiên, xu hướng này cũng có thể dẫn đến sự sụp đổ hay suy yếu của nhiều doanh nghiệp và tập đoàn, đặc biệt khi các hoạt động đầu tư này được tiến hành bằng vốn đi vay, trong khi thiếu cơ chế quy trách nhiệm và kiểm soát đầu tư hiệu quả... Thực tiễn cho thấy, việc hoạt động đa ngành nghề, lĩnh vực cũng có tính hai mặt của nó: *Một mặt*, nếu doanh nghiệp đi đúng hướng sẽ giúp doanh nghiệp nâng cao vị thế và đạt được những mục tiêu mới; *mặt khác*, nếu “chệch hướng” hoặc đầu tư có tính đầu cơ, chộp giật, khai thác các cơ hội độc quyền ngắn hạn thì có thể làm suy sụp hình ảnh, thậm chí đánh mất thương hiệu và gây ra những thiệt hại to lớn khó lường cho doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung. Những tác động mặt trái của việc doanh nghiệp đầu tư đa ngành, đa nghề là do khi đa dạng hóa đầu tư ít nhiều bản thân doanh nghiệp đánh mất đi lợi thế cạnh tranh, lợi thế so sánh vốn có của mình, rất dễ mắc sai lầm, thậm chí phải trả giá đắt do sự phân tán các nguồn lực, thiếu kinh nghiệm quản lý và phản ứng thị trường, cũng như các

kỹ năng công nghệ và cả do thiếu cập nhật thông tin. Bên cạnh đó, việc kiểm soát vốn vào hoạt động đa lĩnh vực là rất phức tạp, nếu làm không tốt thì sự thất thoát, lãng phí và khả năng đổ vỡ tài chính là những nguy cơ có thực. Đặc biệt, cần thấy rằng, với khả năng tài chính có hạn của mình, việc đầu tư vốn dàn trải sẽ buộc doanh nghiệp phải tìm đến nguồn vốn mới với những điều khoản thương mại ngặt nghèo, dễ đưa họ sa vào chiếc bẫy nợ nần.

Tại Việt Nam, tập đoàn Bưu chính Viễn thông (VNPT), ngoài các sản phẩm, dịch vụ liên quan tới viễn thông và công nghệ thông tin, còn mở rộng sang lĩnh vực gồm dịch vụ quảng cáo, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng. Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) ngoài lĩnh vực hoạt động truyền thống là sản xuất kinh doanh điện năng, viễn thông công cộng và cơ khí điện lực, còn đầu tư mở rộng sang lĩnh vực bất động sản, lĩnh vực tài chính - ngân hàng,... với 3.590 tỷ đồng (chiếm 4,82 phần trăm vốn chủ sở hữu). Tập đoàn Cao su Việt Nam (VRG) cũng không chịu bó buộc trong lĩnh vực cao su, mà còn nhảy sang ngành cơ khí, quản lý khai thác cảng biển, vận tải, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch nội địa, quốc tế. Tập đoàn Vinashin ngoài lĩnh vực

chuyên sâu của mình, họ cũng đã đầu tư dịch vụ vận tải biển, thủy điện, tài chính, chế tạo cơ khí và dư nợ phải trả gấp hàng chục lần vốn chủ sở hữu; Vinalines đầu tư ra ngoài 873,78 tỷ đồng (chiếm 11,8% vốn chủ sở hữu); TKV 1.786 tỷ đồng (chiếm 16,15% vốn chủ sở hữu). Theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước công bố ngày 23/7/2009 (sau khi đã thực hiện 135 cuộc kiểm toán tại 35 tỉnh thành, 20 bộ, 23 tập đoàn kinh tế và nhiều tổng công ty và tổ chức tài chính), kết quả kiểm tra của 224 đơn vị thành viên thuộc 16 tập đoàn tổng công ty cho thấy: số doanh nghiệp làm ăn thua lỗ chiếm gần 10%; chỉ riêng một vụ đầu tư sản xuất điện thoại để bàn đã làm tổn thất khoảng 1.700 tỷ đồng cho một tập đoàn. Theo kết quả kiểm toán năm 2008, tổng số nợ của các doanh nghiệp Nhà nước vẫn lên tới 181.000 tỷ đồng. Một số đơn vị thua lỗ nhiều trong năm 2006 là Tổng công ty Sông Hồng và Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn, với số tiền 57,7 tỷ đồng. Tổng công ty Lắp máy Việt Nam lỗ lũy kế đến tháng 12/2007 là 23,4 tỷ đồng, Tổng công ty Xây dựng Sài Gòn lỗ 90,4 tỷ đồng, Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 - 93,4 tỷ đồng và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5 lỗ 102,7 tỷ đồng... Các tổng công ty khác như Khánh Việt, Địa ốc Sài Gòn, tuy số lãi theo báo cáo, trên 600 tỷ đồng, nhưng số nợ phải trả hơn 4.600 tỷ đồng, chiếm lần lượt là 40 và hơn 60% tổng nguồn vốn. Như vậy, mặc dù lợi nhuận trước thuế, theo báo cáo của kiểm toán, đạt gần 1.800 tỷ đồng, nhưng số nợ phải trả quá lớn.

Năm 2008, nhiều doanh nghiệp nhà nước có số nợ phải trả gấp nhiều lần số vốn chủ sở hữu. Trong số 70 tập đoàn, tổng công ty báo cáo, thì có 30

đơn vị có hệ số nợ phải trả trên vốn vượt trên 3 lần, thậm chí nhiều doanh nghiệp vượt trên 20 lần, như Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5 gấp 42 lần, Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông I gấp 22,5 lần, Tổng công ty Lắp máy Việt Nam gấp 21,5 lần, Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam gấp 21,8 lần... Ngoài ra, một số doanh nghiệp huy động vốn từ các công ty tài chính, ngân hàng có vốn góp của tập đoàn, tổng công ty Nhà nước cũng rất rủi ro do được hưởng nhiều ưu đãi, như không bắt buộc phải có đủ tài sản đảm bảo cho khoản vay, thủ tục vay vốn đơn giản. Đáng quan ngại hơn, một số tập đoàn, tổng công ty đã dành một lượng vốn khá lớn đầu tư vào ngân hàng, bảo hiểm hoặc mua bán cổ phiếu trên thị trường... dễ dẫn đến đổ vỡ dây chuyền khi mất khả năng thanh toán. Theo báo cáo của 70 tập đoàn, tổng công ty, thì có tới 28 đơn vị hoạt động đầu tư chứng khoán, thành lập công ty chứng khoán, đầu tư vào công ty quản lý quỹ, ngân hàng thương mại, công ty bảo hiểm với giá trị đầu tư là 23.344 tỷ đồng, chiếm 8,7% vốn chủ sở hữu và 20% tổng số vốn đầu tư ra ngoài. Cụ thể, Tập đoàn Dầu khí đầu tư 5.780 tỷ đồng, trong đó ngân hàng 1.100 tỷ đồng, công ty chứng khoán 76,5 tỷ đồng, công ty tài chính 4.005 tỷ đồng, công ty bảo hiểm 570 tỷ đồng, quỹ đầu tư 29 tỷ đồng; Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam đầu tư 1.894 tỷ đồng, trong đó lĩnh vực ngân hàng 344 tỷ đồng, bảo hiểm 1.462 tỷ đồng (Bảo Việt), quỹ đầu tư 88 tỷ đồng... Bên cạnh đó, tình trạng doanh nghiệp nhà nước thành lập quá nhiều công ty con, công ty liên kết hoạt động trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác hẳn với lĩnh vực sản xuất kinh doanh trước đây ngày càng

phổ biến, như: Tổng công ty Thuốc lá; Giấy; Dệt may; Công nghiệp Tàu thủy đầu tư vào rượu bia, công nghiệp thực phẩm; Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp đầu tư vào thủy điện, nhiệt điện; Tổng công ty Rượu bia nước giải khát Sài Gòn đầu tư vào thủy điện, dầu khí, du lịch...

Có thể nói, những hoạt động đầu tư kiểu năng động quá mức mang tính tranh thủ khai thác các cơ hội độc quyền hoặc lợi ích ngắn hạn của các doanh nghiệp Nhà nước này, nếu không được kiểm soát nghiêm ngặt hơn, rất dễ trở thành những “trái bom hẹn giờ” có sức công phá mạnh và gây tổn thất nặng nề, thậm chí là những đả võ toàn diện khó lường cho đời sống kinh tế - xã hội đất nước, mà cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ hiện nay chính là bài học đắt giá và nóng hổi.

Đặc biệt, nếu so sánh với chi phí tối đa cho đào tạo nghề gắn với di dời chỗ ở của người nông dân phục vụ các dự án giải phóng mặt bằng chỉ vào khoảng dưới 10 triệu đồng, hoặc kinh phí xây dựng một ngôi nhà tình nghĩa chỉ khoảng 20-50 triệu đồng, thì có thể thấy rõ hơn “sự vô cảm” của các con nợ lớn này trước các bức xúc của xã hội...

2. Nhập nhèm trong sổ sách kế toán và cơ chế trách nhiệm

Đặc biệt, sự sai lệch, không phản ánh đúng thực tế tài sản, doanh thu và kết quả kinh doanh là hiện tượng khá phổ biến trong báo cáo tài chính của nhiều đơn vị, tập trung vào những ông lớn như, Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV); Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN); Tổng Công ty Hàng hải (Vinalines); Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama); Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco)... Vì lý do này, Kiểm

toán Nhà nước đã phát hiện và kiến nghị tăng thu ngân sách nhà nước năm 2007 thêm 4.166 tỷ đồng (chủ yếu từ các khoản thuế và phí, lệ phí); đề nghị giảm chi ngân sách nhà nước 2.731 tỷ đồng (gồm chi sai, quyết toán sai chế độ, không đúng nguồn kinh phí...); tiến hành điều chỉnh tăng hơn 137 tỷ đồng về tài sản, nguồn vốn, gần 564 tỷ đồng doanh thu, giảm gần 159 tỉ đồng chi phí, tăng lợi nhuận trước thuế trên 722 tỷ đồng, chủ yếu từ các đơn vị đã nêu trên...

Các doanh nghiệp nhà nước Việt Nam đang chiếm giữ tới hơn 50% tín dụng đầu tư nhà nước, 70% tổng dư nợ quốc gia và hơn 80% tổng dư tín dụng của các ngân hàng thương mại nước ta. Hiệu quả đầu tư của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và doanh nghiệp nhà nước nói chung, cả ở trên thế giới, cũng như ở Việt Nam, đều không cao, và thường là thấp nhất so với các đầu tư và kinh doanh tương tự, nhưng do các nhà đầu tư nước ngoài hoặc tư nhân trong nước thực hiện (nếu có hoặc được phép). Điều này liên quan đến nhiều yếu tố, trong đó phải kể đến: đặc điểm của sở hữu (sở hữu nhà nước thường dẫn đến cảnh “*cha chung không ai khóc*”; cơ chế cán bộ và tuyển dụng lao động, trách nhiệm cá nhân của nhà quản lý đầu tư và cơ chế quản lý vốn đầu tư - bao gồm cả việc lựa chọn lĩnh vực kinh doanh (thường bị áp đặt hoặc dễ dãi, gắn với lợi ích cục bộ, thậm chí do lợi ích cá nhân và phe nhóm, lợi dụng vốn nhà nước để “đánh quả” và trục lợi), cũng như cơ chế ra quyết định đầu tư (vừa phức tạp, chậm trễ, vừa lỏng lẻo, hình thức và nhiều cơ hội cho tham nhũng phát sinh, phát triển)... Thực tế đang cho thấy, những cảnh báo cấp thiết về việc phải ngăn chặn kịp thời sự “liên

minh" có thể giữa một số tập đoàn, tổng công ty nhà nước, với các ngân hàng thương mại nhà nước và các quan chức có liên quan trong việc vay và cho vay vốn, đầu tư chéo, đầu tư đa ngành hàng ngàn tỷ đồng mang nặng tính đầu cơ, trục lợi cá nhân hoặc phe nhóm, lũng đoạn thị trường và lãng phí các nguồn lực quốc gia.

3. Chưa rõ ràng trong định hướng tái cơ cấu

Đến nay, về tổng thể khu vực doanh nghiệp nhà nước vẫn chưa thực sự được tinh lọc và gắn kết như một "quả đấm thép" trong tạo cơ hội lan tỏa và định hướng, cũng như thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động đầu tư xã hội nói chung. Mới đây, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã đề xuất chỉ giữ lại vốn tại khoảng 100 doanh nghiệp lớn và làm ăn hiệu quả nhất, và đẩy nhanh thoái vốn tại 754 doanh nghiệp cổ phần hóa mà Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) đang nắm giữ. Các công ty được bán đi sẽ chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong đó Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần chi phối. Tuy nhiên, đến nay SCIC vẫn chưa có phương án tái cấu trúc cụ thể và các hoạt động thông tin cần thiết theo định hướng này, gây tâm trạng chờ đợi căng thẳng và giảm bớt cơ hội, cũng như động lực đầu tư của các doanh nghiệp và đối tác có liên quan, tức giảm động lực phát triển chung của đất nước, thậm chí làm gia tăng các hành vi tham nhũng, lãng phí và thất thoát tài sản công gắn với hiện tượng vừa "rã đám", vừa ráo riết "vận động hành lang" và tâm lý "chợ chiều", tranh thủ và "vô chủ"...

Thực tế cho thấy, cơ chế quản lý hiệu quả các phần vốn và tài sản Nhà nước sau cổ phần hóa đang có nhiều bức xúc, nhất là bốn vấn đề: *Một là*,

thực hiện chế độ đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp còn phân tán ở nhiều cơ quan; *Hai là*, bổ nhiệm hoặc không kịp thời thay thế cán bộ đủ chất lượng làm đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; *Ba là*, quy định về quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp chưa rõ ràng; *Bốn là*, cơ chế thực hiện thoái vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp "hậu cổ phần hóa" còn chậm và chưa minh bạch, nhất là chưa cân nhắc đầy đủ đến mục tiêu bảo đảm ổn định và hiệu quả hoạt động bền vững của doanh nghiệp (theo SCIC, đến nay "siêu tổng" này mới thoái vốn tại 45 doanh nghiệp theo cơ chế đấu giá... Vì vậy, trong thời gian tới, cần sớm hoàn thiện và công khai kế hoạch thoái vốn, thực hiện phân nhóm nhỏ các doanh nghiệp và tái cơ cấu ngành để thoái vốn, cũng như đa dạng hoá cơ chế thoái vốn và mở rộng hơn "room" tỷ lệ sở hữu trong các doanh nghiệp cổ phần, để đẩy nhanh quá trình sắp xếp lại các nguồn lực khu vực doanh nghiệp nhà nước nói riêng, nên kinh tế nói chung, tăng cường sức mạnh tập trung của khu vực kinh tế Nhà nước, đề cao hơn vai trò khu vực kinh tế tư nhân, đồng thời còn giúp giảm thiểu những tổn thất và tăng sự đồng thuận xã hội... Bên cạnh đó, cần có cơ chế thích hợp (như thi tuyển, tiến cử và tăng cường thông tin, giám sát, xử lý kịp thời theo các tiêu chí và chế tài công khai, đủ mạnh...) để những người đại diện phần vốn nhà nước "ngồi đúng chỗ", tránh ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, cũng như sự hào hứng của khu vực tư nhân đối với việc mua cổ phần. Để tránh được nỗi lo ngại về việc nguồn vốn Nhà nước và tài sản công bị hao hụt

qua quá trình thoái vốn, cần có các tiêu chí cụ thể và khoa học để đánh giá đúng giá trị (nhất là giá trị quyền sử dụng đất, giá thuê đất) và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp, cũng như sử dụng kiểm toán độc lập (khi bắt đầu cổ phần hóa, Bến xe Miền Đông, thành phố Hồ Chí Minh - được xác định giá trị doanh nghiệp là 60 tỉ đồng. Nhưng khi có quy định mới là Nghị định 109 của Chính phủ năm 2007 về cổ phần hóa doanh nghiệp, giá trị có thể đội lên gấp 31 lần). Đặc biệt, nên tách biệt quản lý sở hữu riêng, quản lý điều hành riêng và cần làm sao để cổ phần hóa không là cơ hội để một số người làm giàu từ tài sản Nhà nước trong khi được cử quản lý doanh nghiệp... Đối với doanh nghiệp sử dụng đất thuê, giá sẽ phải sát với thị trường và không để tình trạng giá thuê đất của Nhà nước quá thấp so với giá thị trường, làm lợi không chính đáng cho doanh nghiệp Nhà nước và gây cạnh tranh không bình đẳng giữa các khu vực doanh nghiệp. Đặc biệt, cần tiếp tục hoàn thiện và thống nhất cơ sở nhận thức lý luận và cả các quy định luật pháp (luật, nghị định) đồng bộ, cụ thể cho hoạt động của SCIC, nhất là các quy định liên quan đến sự tham gia của SCIC trên thị trường tài chính, trong đó có thị trường chứng khoán. Nếu điều này chậm được giải quyết, dễ khiến SCIC như một người khổng lồ bị “yếm bù”, trói chân, quanh quẩn trong phạm vi hoạt động thu hẹp chỉ đơn thuần thực thi công vụ, như là một “quản gia”, cơ quan kế toán, thống kê và chứng nhận tài chính khá đơn giản, bỏ trống nhiều “dư địa”, nhất là các chức năng đầu tư, kinh doanh và tư vấn tài chính, cũng như áp dụng công nghệ quản lý hiện đại

vào doanh nghiệp còn mờ nhạt, nếu không muốn nói là khá xa xôi... Chính đây cũng là lý do giải thích vì sao chủ trương khá táo bạo dùng SCIC như một công cụ đột phá nhằm “giải cứu” và kích đẩy hoạt động trầm lắng thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian qua không triển khai được cụ thể trên thực tế, gây thất vọng và nghi ngờ trong dư luận xã hội, thậm chí làm giảm uy tín Lãnh đạo một số cơ quan trung ương. Đặc biệt, ngay trong cả hai gói kích cầu trị giá gần chục tỷ USD vốn tài chính hiện nay của Chính phủ cũng không hề có đồng nào được sử dụng thông qua “kênh SCIC” nhằm đảm bảo nguyên tắc thị trường trong quản lý nguồn vốn Nhà nước như sứ mệnh đã giao phó cho SCIC khi thành lập, Nói cách khác, trong thời gian tới, SCIC cần năng động thực sự hơn và cần được giao sử dụng vốn Nhà nước từ gói kích cầu, theo phương thức SCIC (và các công ty mua - bán nợ khác của Nhà nước và không phải của Nhà nước) tiếp nhận một phần nguồn vốn này để thực hiện mua - bán các cổ phần và chứng khoán nợ khác theo định hướng mục tiêu, thậm chí cả một doanh nghiệp quan trọng, nhưng gặp khó khăn, giúp vực dậy, rồi bán lại trên thị trường tài chính, thu hồi vốn dùng tiếp cho các mục tiêu công ích tương tự. Làm như vậy, tin rằng hiệu quả toàn diện và lành mạnh của gói kích cầu có thể sẽ cao hơn, đúng “luật chơi” thị trường hơn, như thực tiễn đã, đang và sẽ còn thể hiện ở các nền kinh tế thị trường như Mỹ, Tây Âu... Hơn nữa, hoạt động này còn tạo động lực tích cực phát triển thị trường chứng khoán trong nước, cũng như thị trường mua, bán và sáp nhập doanh nghiệp của Việt Nam ■